

Số: 317/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021:

1. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 21 như sau:

“Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập có dự án đầu tư trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công, được áp dụng tỷ lệ vay lại 10% vốn vay ODA, vay ưu đãi sử dụng cho dự án đầu tư”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Không yêu cầu bảo đảm tiền vay trong trường hợp sau:

a) Cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại;

b) Các khoản vay do Ban quản lý dự án thuộc các Bộ nhận nợ, sau đó chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 21 của Nghị định này, không thể thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này, căn cứ đề xuất của cơ quan chủ quản về việc không thể thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật và ý kiến thẩm định của cơ quan được ủy quyền cho vay lại, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về việc cho vay lại và không yêu cầu tài sản đảm bảo theo quy định tại Điều 26 của Nghị định này. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả rà soát việc không thể thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tỷ lệ vay lại trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

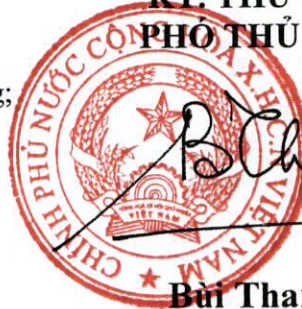
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b) 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Bùi Thanh Sơn